TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2024/HNGĐ-ST
Ngày 19/7/2024
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Tuấn Vương
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Đức Minh
2. Bà Hoàng Thị Thu Hiền

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đặng Thị Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2024 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 66/2024/QĐST- HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2024/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2024 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa xét xử vụ án số 06/2024/TA ngày 24 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Trần Thị Mỹ D**, sinh năm 1988;

ĐKHKTT: Xóm A, thôn V, xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình. Hiện đang sinh sống tại Cộng hòa S.

- Bị đơn: **Anh Đỗ Huy T,** sinh năm 1973;

ĐKHKTT: Thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình. Hiện đang sinh sống tại Cộng hòa S.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ D trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh Đỗ Huy T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình ngày 10/01/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống cùng gia đình anh T tại địa phương. Sau đó,

anh chị đều đi lao động tại Cộng hòa S. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Chị D và anh T đã tìm nhiều biện pháp khắc phục mâu thuẫn, cải thiện tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Đỉnh điểm của mâu thuẫn là vào khoảng tháng 9/2018, anh T đã có hành vi hành hung chị D nên chị D đã chuyển ra ngoài sinh sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Chị D không biết địa chỉ cụ thể của anh T tại Cộng hòa S. Nay chị D xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh T, không còn khả năng đoàn tụ nên chị D đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

+ Về con chung: Chị D và anh Đỗ Huy T có một con chung là Đỗ Gia H, sinh ngày 15/11/2016. Hiện con chung đang ở với anh T tại Cộng hoà Séc. Chị D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng 10 triệu đồng/01 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, chấp thuận việc anh T đóng tiền cấp dưỡng một lần.

+ Về tài sản và nợ chung: Chị D và anh Đỗ Huy T không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Đỗ Huy T không có văn bản trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án. Tại biên bản làm việc ngày 02/5/2024, bà Tô Thị N (Mẹ đẻ của anh Đỗ Huy T) cung cấp:

+ Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Huy T và chị Trần Thị Mỹ D tự nguyện kết hôn, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, anh T và chị D đều sinh sống và làm việc tại Cộng hòa S. Quá trình chung sống, anh chị có xảy ra mâu thuẫn, anh T có trao đổi lại với bà nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Anh T đến nay chưa về nước, địa chỉ cụ thể của anh T ở Cộng hòa S thì bà không được biết. Anh T vẫn thường xuyên liên lạc bằng điện thoại với bà. Gia đình bà đã nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án gửi cho anh T, bà cũng đã thông báo lại nội dung văn bản của Tòa án cho anh T được biết. Anh T có trao đổi lại là chị D có đơn xin ly hôn, anh T cũng đồng ý ly hôn chị D. Tuy nhiên, công việc của anh rất bận mải nên không thể về Việt Nam để đến Tòa án làm việc được. Anh T đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh. Bà N đồng ý nhận các văn bản của Tòa án thay anh T và cam đoan sẽ thông báo nội dung văn bản cho anh T được biết.

+ Về con chung: Anh T và chị D có một con chung là Đỗ Gia H, sinh ngày 15/11/2016. Hiện cháu đang ở với anh T tại Cộng hòa Séc. Anh T không đồng ý giao con chung cho chị D nuôi dưỡng và không đồng ý yêu cầu cấp dưỡng cho con chung của chị D. Nếu được tiếp tục nuôi con, anh T không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng cho con chung.

+ Về tài sản và nợ chung: Anh T và chị D không có tài sản chung, không có nợ chung.

Tại biên bản xác minh ngày 02/5/2024, Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình cung cấp:

Anh Đỗ Huy T và chị Trần Thị Mỹ D có đăng ký kết hôn như chị D, bà N trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, anh chị có thời gian ngắn sinh sống tại địa phương sau đó nhập cảnh sang Cộng hòa S từ năm 2015 đến nay. Do đó, chính quyền địa phương không biết được vợ chồng anh chị có xảy ra mâu thuẫn hay không. Anh T và chị D có một con chung là cháu Đỗ Gia H, sinh ngày 15/11/2016, hiện đang sinh sống tại Cộng hòa S. Anh T và chị D có tài sản chung và nợ chung không thì chính quyền địa phương không rõ. Nay chị D có đơn xin ly hôn anh T, chính quyền địa phương đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định pháp luật và quyền lợi của con chung để giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tuân thủ theo quy định của pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị D được ly hôn anh T, giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra giải quyết về cấp dưỡng cho con chung và tài sản chung của vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy, nguyên đơn và bị đơn đều xuất cảnh ra nước ngoài, chưa nhập cảnh về Việt Nam thông qua xác nhận của Đ tại Cộng hòa S và Công văn số 561/PA08 ngày 18/7/2024 của Phòng Q, Công an tỉnh T. Bị đơn là anh Đỗ Huy T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình, đo đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T không đến Tòa án làm việc, Tòa án nhận được tài liệu là Bản tự khai đề ngày 05/3/2024 ghi tên Đỗ Huy T nhưng không có chữ ký, không có xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, tên người gửi trên bao thư không phải là anh Đỗ Huy T. Xét thấy, đây không phải là văn bản hợp pháp thể hiện quan điểm của anh T về những nội dung tranh chấp trong vụ án nên Tòa án không coi đây là tài liệu, chứng cứ và không đánh giá, xem xét.

Chị D, gia đình anh T không biết địa chỉ cụ thể của anh T tại Cộng hòa S. Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình đã tiến hành lấy lời khai bà Tô Thị N (Mẹ đẻ của anh T) và tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Do đó, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa theo quy định Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị D có đơn xin giải quyết vắng mặt, anh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Toà án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Mỹ D và anh Đỗ Huy T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Qua lời khai của chị D và lời trình bày của bà Tô Thị N (Mẹ đẻ của anh T) đều thể hiện hôn nhân của anh chị không hạnh phúc, nhiều mâu thuẫn. Anh chị đã có thời gian dài sống ly thân, mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến nhau. Khi chị D xin ly hôn, anh T không đến Tòa án làm việc, không gửi văn bản trình bày quan điểm, không có biện pháp để đoàn tụ thể hiện cả hai không còn muốn duy trì quan hệ hôn nhân nữa. Hội đồng xét xử nhận định mâu thuẫn của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được cần xử cho chị D ly hôn anh T là đúng quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Trần Thị Mỹ D và anh Đỗ Huy T một con chung là Đỗ Gia H, sinh ngày 15/11/2016. Theo lời khai của chị D, cháu H ở với anh T tại Cộng hòa Séc từ khi anh chị sống ly thân đến nay. Chị D có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng 10 triệu đồng/01 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, chấp thuận việc anh T đóng tiền cấp dưỡng một lần. Xét thấy, con chung được anh T chăm sóc, nuôi dưỡng có cuộc sống ổn định và phát triển về thể chất, tinh thần bình thường. Anh T có trao đổi lại với gia đình anh có nguyện vọng tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu chị D cấp dưỡng cho con. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần giao con chung cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chấp nhận việc anh T không yêu cầu chị D cấp dưỡng cho con chung.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị D trình bày vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh T không có văn bản trình bày về tài sản vì vậy Tòa án không đặt ra giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273 và Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Mỹ D được ly hôn anh Đỗ Huy T.

2. Về nuôi con chung: Xử giao con chung là Đỗ Gia H, sinh ngày 15/11/2016 cho anh Đỗ Huy T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị D không phải cấp dưỡng cho con chung.

Chị Trần Thị Mỹ D có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu, không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Mỹ D phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển 300.000 đồng tạm ứng án phí chị D đã nộp tại biên lai số 0000077 ngày 24/01/2024 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình sang để thi hành án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt các đương sự. Chị Trần Thị Mỹ D, anh Đỗ Huy T có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Đức Minh **Hoàng Thị Thu Hiền** **Chu Tuấn Vương**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh,
- Cục THA Dân sự tỉnh Thái Bình,
- Đương sự,
- UBND xã Đông Lâm, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình,
- Lưu hồ sơ, HCTP.

Chu Tuấn Vương